

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHẠM VĂN HUỆ

ĐỘNG LỰC HỌC TẬP
CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ

Chuyên ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

Hà Nội - 2024

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Văn Lược
TS Nguyễn Bá Đạt

Phản biện: PGS.TS Trần Thành Nam

Phản biện: PGS.TS Nguyễn Hải Thanh

Phản biện: PGS.TS Vũ Thị Khánh Linh

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận
án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại
học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam**

vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 11 tháng 10 năm 2024

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Động lực học tập (ĐLHT) có vai trò vô cùng quan trọng đối với người học nói chung và sinh viên (SV) nói riêng. ĐLHT được coi là nhân tố then chốt nhất trong việc học tập tại giảng đường đại học [132]. Nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng ĐLHT là lực thúc đẩy, có vai trò kích hoạt, định hướng, tạo sức mạnh, duy trì [81, 90, 97, 98, 107, 113] để SV hoàn thành các mục tiêu học tập nhằm chiếm lĩnh tri thức [18, 52], nâng cao năng lực để hoàn thiện bản thân [84], đáp ứng sự kì vọng của gia đình [101], đạt thành tích trong học tập [85] hoặc mục tiêu học tập về công việc khi SV ra trường [21, 41, 71, 83, 104]. Đồng thời, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng ĐLHT có sự chi phối đến kết quả học tập của SV. Khi ĐLHT cao, SV thường duy trì sự hứng thú và có kết quả học tập tốt [71, 79, 96, 139] và ngược lại khi SV có ĐLHT thấp hoặc không có ĐLHT dẫn tới việc giảm sự hứng thú, trách nhiệm trong học tập và có kết quả học tập không tốt [29, 95, 112, 137]. Chính vì vậy, việc nghiên cứu chuyên sâu về ĐLHT của SV có ý nghĩa quan trọng giúp các cơ sở giáo dục đại học đưa ra các chính sách nhằm giúp SV duy trì, nâng cao ĐLHT, từ đó đảm bảo chất lượng công tác đào tạo.

Trên thế giới, các nghiên cứu xoay quanh chủ đề ĐLHT của SV và SV dân tộc thiểu số (DTTS) đã được các nhà tâm lý học quan tâm, trong đó, một số nghiên cứu đã được công bố. Đặc biệt, từ những năm 1985, Deci và Ryan nghiên cứu và xây dựng lý thuyết tự quyết [49, 122]. Lý thuyết này ảnh hưởng mạnh mẽ đến các nghiên cứu về ĐLHT, đánh dấu bằng sự ra đời của một thang đo ĐLHT theo chính lý thuyết này dành cho các đối tượng SV [103, 143]. Đây cũng là cơ sở làm tiền đề lý thuyết và phương pháp nghiên cứu để tác giả thực hiện luận án của mình. Ở Việt Nam, đặc biệt là những năm gần đây đã có các nghiên cứu về ĐLHT

của SV nói chung. Tuy nhiên, các nghiên cứu chủ yếu tập trung chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của SV [1, 2, 7, 11, 14, 16, 17, 23] và một số biểu hiện của ĐLHT của SV trong quá trình học tập [15, 18, 104, 112]. Các nghiên cứu về ĐLHT của SV DTTS chỉ mới đề cập đến một số khía cạnh như động lực và cản trở trong việc học tiếng Anh [21], giải pháp nâng cao tính tích cực học tập [19] và các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT bằng hình thức trực tuyến trong bối cảnh COVID-19 [109]... Như vậy, tác giả luận án nhận thấy rằng vẫn còn khoảng trống khá lớn trong những nghiên cứu về ĐLHT và đặc biệt là ĐLHT dành cho đối tượng SV DTTS ở nước ta. Nghiên cứu về ĐLHT của SV DTTS sẽ giúp chỉ ra thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng, các đề xuất giải pháp nâng cao ĐLHT và có thể sẽ đưa ra những kết quả khác biệt so với những nghiên cứu trước đó, đóng góp vào cơ sở lý luận và thực tiễn cho nghiên cứu về ĐLHT trong lĩnh vực tâm lý học ở Việt Nam.

Đối tượng SV DTTS ở nước ta hiện nay chiếm khoảng 10 - 15% trên tổng số SV cả nước và cũng là lực lượng đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển của Đảng và Nhà nước, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững cho người DTTS. Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã khẳng định: “Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng DTTS, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách...”. Với vai trò quan trọng đó, SV DTTS đã nhận được những chính sách ưu tiên và khuyến khích để họ có thêm động lực học tập như: chính sách cộng điểm ưu tiên trong tuyển sinh [159] và các chính sách về học bổng, miễn giảm học phí [155 - 158, 160]. Tuy nhiên, thực tiễn tại các trường đại học cho thấy một bộ phận không nhỏ SV DTTS có kết quả thấp, thuộc diện thôi học, buộc thôi học và thường thuộc nhóm SV tốt nghiệp

có ngưỡng điểm tích lũy thấp hoặc tốt nghiệp không đúng hạn [155-158]. Điều này có thể xuất phát từ việc SV DTTS thay đổi môi trường học tập (đại đa số SV sinh sống ở khu vực nông thôn, trung du, miền núi), nhiều SV từ nhỏ học tại các trường dân tộc nội trú hoặc các trường ở khu vực khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn về cơ sở vật chất giảng dạy, đội ngũ giảng viên... Đồng thời, nhiều trường đại học với những trang thiết bị, khoa học công nghệ hiện đại, học tập trực tuyến đặt ra những yêu cầu về năng lực số, trình độ công nghệ của SV cao hơn. Bên cạnh đó, nhóm SV DTTS có đặc trưng riêng về văn hóa, phong tục, lối sống, do vậy, khi theo học ở các trường đại học SV vừa phải đảm bảo duy trì được những giá trị văn hoá song hành với việc cố gắng hoà nhập với một nền văn hoá đa số hơn [64] và có thể cảm thấy tồn tại sự phân biệt đối xử giữa một cộng đồng mới, có nhiều khác biệt và sự hỗ trợ xã hội như mong đợi... Đặc biệt, trong những năm gần đây, sự biến động và thay đổi mạnh mẽ của đời sống kinh tế - xã hội, sự phát triển của khoa học và công nghệ đã và đang làm tăng những áp lực vốn đã hiện hữu trước đó đối với SV DTTS, đòi hỏi họ phải có động lực để vượt qua. Chính vì vậy, việc nghiên cứu ĐLHT của SV DTTS là điều cần thiết để hiểu rõ hơn về ĐLHT của nhóm SV này, giúp xây dựng các chương trình giáo dục linh hoạt và phù hợp, khuyến khích sự tham gia tích cực và hiệu quả hơn của họ trong quá trình học tập, góp phần đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học tại Việt Nam.

Từ tiền đề lý luận và thực tiễn đó cho thấy việc nghiên cứu ĐLHT với đối tượng SV DTTS là một nhiệm vụ cần thiết trong nghiên cứu tâm lý học tại Việt Nam. Chính vì vậy, tác giả luận án chọn vấn đề “Động lực học tập của sinh viên dân tộc thiểu số” làm đề tài của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận, thực trạng và biểu hiện ĐLHT của SV DTTS, các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của SV DTTS, trên cơ sở đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao ĐLHT của SV DTTS.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Động lực học tập và các biểu hiện ĐLHT của SV DTTS, các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của SV DTTS.

3.2. Khách thể nghiên cứu

- Khách thể nghiên cứu thực trạng: 517 SV DTTS hệ chính quy
- Khách thể phỏng vấn sâu: 30 khách thể SV chính quy gồm 10 SV đại trà và 20 SV DTTS; 16 khách thể là giảng viên, chuyên viên hoặc lãnh đạo phòng ban chức năng.
- Khách thể nghiên cứu trường hợp: 03 SV DTTS

4. Phạm vi nghiên cứu

4.1. Phạm vi không gian

Đề tài được nghiên cứu điều tra, khảo sát thực trạng tại 04 trường đại học trên địa bàn Hà Nội, bao gồm: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Giáo dục; Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải; Trường Đại học Văn hoá.

4.2. Phạm vi thời gian

Đề tài được thực hiện trong 36 tháng (từ 31/12/2020 đến 31/12/2023).

4.3. Phạm vi nội dung

Trong nghiên cứu, luận án tập trung chỉ ra thực trạng ĐLHT của SV DTTS và các yếu tố tác động đến ĐLHT của SV DTTS.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu lý luận ĐLHT; phân tích các khái niệm, xây dựng tiêu chí xác định động lực của SV DTTS với hoạt động học tập.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng ĐLHT của SV DTTS; Phân tích các yếu tố tác động đến ĐLHT của SV DTTS.

- Nghiên cứu 03 trường hợp điển hình để tìm hiểu biểu hiện ĐLHT cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của SV DTTS.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đề xuất một số kiến nghị giúp nâng cao ĐLHT của SV DTTS.

6. Giả thuyết nghiên cứu

- Giả thuyết 1: Đa số SV dân tộc thiểu số có ĐLHT bên trong và ĐLHT bên ngoài ở mức cao, không ĐLHT ở mức thấp

- Giả thuyết 2: ĐLHT bên trong và bên ngoài của SV dân tộc thiểu số có mối quan hệ thuận chiều với nhau.

- Giả thuyết 3: Có sự khác biệt về ĐLHT của SV theo các đặc điểm nhân khẩu học.

- Giả thuyết 4: Yếu tố môi trường học tập, năng lực số và hỗ trợ xã hội dành cho SV dân tộc thiểu số có ảnh hưởng mạnh nhất đến ĐLHT bên trong và bên ngoài của SV.

- Giả thuyết 5: Sự phân biệt đối xử và hoà hợp văn hoá ảnh hưởng mạnh nhất đến không ĐLHT của SV dân tộc thiểu số.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nguyên tắc phương pháp luận

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, giải quyết các vấn đề nghiên cứu, luận án dựa trên nguyên tắc hoạt động - nhân cách, nguyên tắc phát triển, nguyên tắc tiếp cận liên ngành.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài tiến hành nghiên cứu theo một hệ thống các phương pháp sau: Phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu, phương pháp nghiên cứu trường hợp và phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

8. Đóng góp mới của luận án

8.1. Về mặt lý thuyết

(1). Luận án đã hệ thống hóa những nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam và xây dựng được các khái niệm cơ bản như: Động lực, ĐLHT, ĐLHT của SV DTTS.

(2). Luận án đã chỉ ra được đặc điểm hoạt động của SV DTTS, các biểu hiện ĐLHT của SV DTTS thông qua các dạng động lực: động lực bên trong, động lực bên ngoài và không động lực.

(3). Luận án đã chỉ ra được các yếu tố tác động đến ĐLHT của SV DTTS bao gồm yếu tố về môi trường học tập ở bậc đại học; sự hòa hợp văn hóa của SV DTTS với yếu tố văn hoá của nhóm đa số; sự hỗ trợ xã hội SV DTTS nhận được từ phía gia đình, bạn bè và người đặc biệt có ý nghĩa với họ; sự phân biệt đối xử hàng ngày mà SV DTTS gặp phải và năng lực số mà SV DTTS cần có để có thể học tập ở trường đại học.

8.2. Về mặt thực tiễn

(1). Luận án đã khảo sát, đánh giá được thực trạng ĐLHT của SV DTTS thông qua các dạng động lực: động lực bên trong, động lực bên ngoài và không động lực; Chỉ ra sự khác biệt về ĐLHT bên trong và bên ngoài theo giới tính, dân tộc và kết quả học tập và không động lực theo trường học, dân tộc. Đồng thời, ĐLHT bên ngoài và ĐLHT bên trong có tác động tích cực đến kết quả học tập của SV dân tộc thiểu số.

(2). Luận án đã chỉ ra có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của SV DTTS, trong đó, yếu tố môi trường học tập và hỗ trợ xã hội nhận được là yếu tố ảnh hưởng mạnh đến ĐLHT bên trong và bên ngoài của SV dân tộc thiểu số. Yếu tố sự phân biệt đối xử và hòa hợp văn hóa ảnh hưởng tới không động lực của SV DTTS.

(3). Luận án cũng đưa ra một số kiến nghị về giải pháp giúp duy trì và nâng cao ĐLHT của SV DTTS.

9. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và kiến nghị, Danh mục các công trình khoa học có liên quan đến luận án của tác giả, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu về ĐLHT của SV DTTS

Chương 2. Cơ sở lý luận về ĐLHT của SVDTTS

Chương 3. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Chương 4. Kết quả nghiên cứu về ĐLHT của SV DTTS

Chương 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ

1.1. Hướng nghiên cứu về thực trạng động lực học tập của sinh viên và sinh viên dân tộc thiểu số

1.1.1. Các biểu hiện động lực học tập của sinh viên

Thứ nhất, các nghiên cứu tập trung chỉ ra các biểu hiện ĐLHT của SV thông qua lý do học tập của họ tại trường đại học. Các nghiên cứu tiêu biểu như Ballman và Mueller (2008), Nguyễn Văn Tùng và Hoàng Thị Đoan (2021), Nguyễn Văn Hưng (2023).

Thứ hai, các nghiên cứu tập trung chỉ ra các biểu hiện về ĐLHT của SV khi so sánh sự khác biệt về các yếu tố về văn hoá, nhân khẩu, sự khác biệt về hình thức giảng dạy. Các nghiên cứu tiêu biểu như Komarraju và cộng sự (2007), Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt (2016), Malinauskas và Pozeriene (2020), Cabras và cộng sự (2023), Phan Hồng Mai và cộng sự (2023)

1.1.2. Các biểu hiện động lực học tập của sinh viên dân tộc thiểu số

Thứ nhất, tập trung vào sự hình thành ĐLHT của SV DTTS trong quá trình họ bước vào môi trường đại học. Những nghiên cứu theo hướng này là những nghiên cứu định tính, sử dụng câu hỏi khảo sát mở để làm

rõ lý do và mục đích học đại học của SV DTTS. Hwang và cộng sự (2002), Mwangi và cộng sự (2017), Nguyễn Thị Thảo (2020), Freeman và cộng sự (2021), Isik và cộng sự (2021), Jiao và cộng sự (2022) đã sử dụng thuyết tự quyết để lý giải sự hình thành của ĐLHT của SV DTTS bắt nguồn từ sự tự chủ trong lựa chọn tiếp tục học đại học của họ.

Thứ hai tập trung vào phân tích sự khác biệt giữa mức độ ĐLHT của SV DTTS với nhau và với SV dân tộc đa số. Các nghiên cứu tiêu biểu như Dennis và cộng sự (2005), Martin và McDevitt (2013), D’Lima và cộng sự (2014), Isik (2017).

1.2. Hướng nghiên cứu về những yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên dân tộc thiểu số

1.2.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên

a) Các yếu tố bên trong của cá nhân của SV như nhận thức về vấn đề học tập, nhân cách, thái độ, cảm nhận hạnh phúc, sự trì hoãn, sự căng thẳng...) ảnh hưởng đến ĐLHT của SV như các nghiên cứu của các tác giả Manalo và cộng sự (2006), Komarraju, Karau và Schmeck (2009), Clark và Schroth (2010), Tasgin và Coskun (2018), Nguyễn Văn Lượ và cộng sự (2019), Tisocco và Liporace (2023), Jehanghir và cộng sự (2023).

b) Các yếu tố liên quan đến môi trường đại học: Các nghiên cứu tập trung vào sự ảnh hưởng của môi trường đại học ảnh hưởng đến ĐLHT của SV như các nghiên cứu của Ullah và cộng sự (2013), Klein và cộng sự (2006), Cayubit (2022), Museus và Shiroma (2022), Nguyễn Thùy Dung và Phan Thị Thùy Anh (2012), Nguyễn Trọng Nhân và Trương Thị Kim Thủy (2014), Đỗ Hữu Tài, Lâm Thanh Hiền, Nguyễn Thanh Lâm (2016), Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt (2016)...

1.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên dân tộc thiểu số

a) Các yếu tố bên trong của cá nhân gồm đặc điểm và trải nghiệm cá nhân của SV DTTS. Hầu hết các yếu tố này có liên quan đến ĐLHT ở các mức độ khác nhau. Các tác giả tiêu biểu như Gavala và Flett (2005), Phinney và cộng sự (2006), Bembenutty (2007), Reynolds và cộng sự (2010), Chavous và cộng sự (2018)

b) Các yếu tố về môi trường đại học: Các nghiên cứu tập trung vào các lý do chọn tiếp tục học tập tại môi trường đại học của SV DTTS, điều này được giải thích là chịu ảnh hưởng của những yếu tố về trải nghiệm trong khuôn viên đại học của họ. Các tác giả tiêu biểu như Tseng (2004), Bembenutty (2007), Isik và cộng sự (2017), Genheimer (2016), Young-Jones và cộng sự (2011), Tynes, Del Toro và Lozada (2015), Isik và cộng sự (2021).

1.3. Hướng nghiên cứu về giải pháp duy trì và nâng cao động lực học tập của sinh viên và sinh viên dân tộc thiểu số

Nghiên cứu về giải pháp nâng cao ĐLHT của SV và SV DTTS không được đề cập nhiều như những nghiên cứu mô tả thực trạng và các yếu tố tác động. Các nghiên cứu tiêu biểu như của Williams và cộng sự (2011), Saeedi và Parvizy (2019), Yamagishi và Nawa (2021), Hoàng Thị Bích Hạnh và cộng sự (2018), Isik và cộng sự (2021), Đỗ Thị Thanh Tuyên (2019), Vũ Đình Bắc và cộng sự (2019), Nguyễn Đức Ca và cộng sự (2021)...

Tóm lại, qua tổng quan các công trình nghiên cứu chúng tôi nhận thấy rằng vẫn còn khoảng trống rất lớn của những nghiên cứu ở châu Á, nơi đặc trưng bởi nền văn hoá làng xóm, văn hoá gia đình. Các gợi ý trên khiến cho nghiên cứu về ĐLHT của SV DTTS sẽ trở nên hứa hẹn về các kết quả có khả năng phản ánh thực trạng hoạt động học tập của SV DTTS, các yếu tố ảnh hưởng đến nó. Thêm vào đó, sự khác biệt về văn hoá, dân tộc, sự yêu thương, đùm bọc và tôn trọng văn hoá, cũng như

tính tập thể của con người Việt Nam có thể sẽ đưa ra những kết quả khác biệt so với những nghiên cứu đi trước về cùng chủ đề. Ở Việt Nam, các nghiên cứu về ĐLHT của SV DTTS chỉ mới đề cập đến một số khía cạnh như động lực và cản trở trong việc học tiếng Anh, giải pháp nâng cao tính tích cực học tập... Do vậy, các nghiên cứu về ĐLHT của SV DTTS cần giúp chỉ ra thực trạng ĐLHT, các yếu tố ảnh hưởng, từ đó có thể cung cấp những dữ liệu thực chứng để đề xuất những kiến nghị giúp nâng cao ĐLHT của SV DTTS.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ

2.1. Lý thuyết tự quyết về động lực của Deci và Ryan

Tác giả lựa chọn lý thuyết tự quyết của Deci và Ryan làm nền tảng lý luận để thực hiện luận án do phù hợp mục đích nghiên cứu của đề tài và những ưu điểm nổi bật so với nhiều lý thuyết tiền nhiệm của các nhà nghiên cứu trước đó.

2.2. Động lực

Động lực là lực thúc đẩy nhằm thỏa mãn các nhu cầu của cá nhân. Nó kích hoạt, định hướng, tạo sức mạnh và duy trì hoạt động của cá nhân thông qua các dạng động lực bên trong, động lực bên ngoài và không động lực.

2.3. Động lực học tập

Động lực học tập là lực thúc đẩy nhằm thỏa mãn các nhu cầu khác nhau trong hoạt động học tập của người học. Nó kích hoạt, định hướng, tạo sức mạnh và duy trì hoạt động học tập của họ thông qua các dạng động lực bên trong, động lực bên ngoài và không động lực.

2.4. Cơ sở lý luận về động lực học tập của sinh viên dân tộc thiểu số

Động lực học tập là lực thúc đẩy nhằm thoả mãn các nhu cầu khác nhau trong hoạt động học tập của SV DTTS. Nó kích hoạt, định hướng, tạo sức mạnh và duy trì hoạt động học tập của họ thông qua các dạng động lực bên trong, động lực bên ngoài và không động lực

Các chỉ báo đo động lực học tập của sinh viên DTTS

- *ĐLHT bên trong* : Động lực bên trong đề cập đến việc một cá nhân thực hiện một hành vi vì chính niềm vui và sự hài lòng từ hành vi đó. Đối với ĐLHT của SV DTTS chính là những động lực được thúc đẩy từ phía bên trong khi học tham gia hoạt động học tập.

ĐLHT bên trong - để hiểu là việc học tập vì niềm vui và sự hài lòng mà một SV DTTS trải nghiệm khi học hỏi, khám phá hoặc cố gắng hiểu điều gì đó mới tại môi trường học tập bậc đại học.

ĐLHT bên trong - đạt thành tựu là việc tham gia vào hoạt động học tập với sự vui vẻ và hài lòng mà một SV DTTS trải nghiệm được khi cố gắng đạt được một thành tích hoặc tạo ra một thành tích cụ thể khi học đại học.

ĐLHT bên trong - trải nghiệm khuyến khích là việc tham gia vào hoạt động học tập để trải nghiệm cảm giác kích thích về các giác quan, thẩm mỹ, niềm vui và sự hứng thú có được từ chính hoạt động học tập mà SV DTTS tham gia.

- *ĐLHT bên ngoài*: ĐLHT bên ngoài đề cập đến việc các cá nhân tham gia thực hiện hành vi vì mục đích của chúng chứ không phải vì chính bản chất hoạt động ấy.

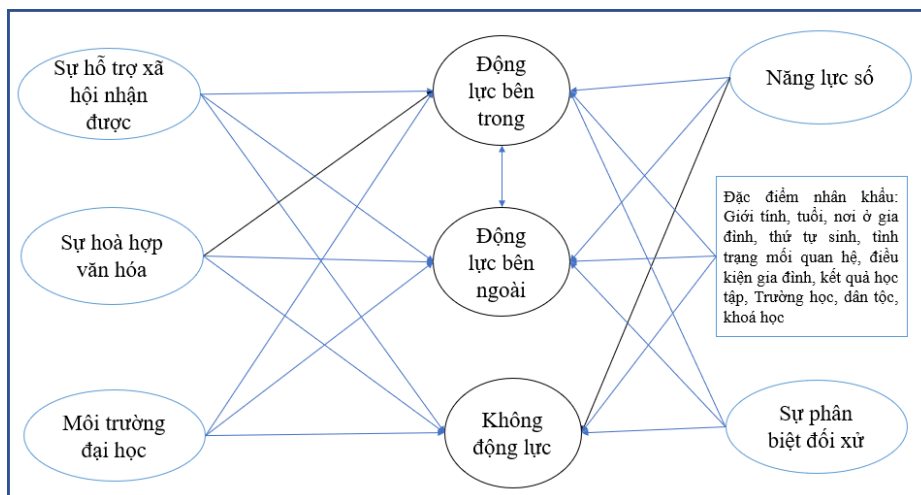
Sự kiểm soát bên ngoài của SV DTTS đề cập đến việc SV DTTS sẽ thực hiện hành động học tập phụ thuộc vào sự tác động (kiểm soát) từ các tác nhân bên ngoài như phần thưởng hoặc hình phạt.

Sự kiểm soát bị tập nhiễm của SV DTTS xuất hiện khi SV DTTS bắt đầu bên trong hoá những lý do cho hành vi học tập của họ. Tuy nhiên,

dạng thức bên trong hoá này có thể một phần đã là các giá trị bên trong nhưng chúng vẫn không hoàn toàn là do chính các cá nhân tự quyết định thực hiện.

Sự kiểm soát được đồng nhất của SV DTTS xuất hiện khi SV DTTS đã biết đánh giá giá trị của các tác nhân bên ngoài và có được sự chủ động nhất định trong việc lựa chọn đó làm lý do để thúc đẩy họ thực hiện hành vi học tập.

- *Không DLHT*: Trong dạng không động lực, SV DTTS sẽ không được thúc đẩy vì họ không thấy mối quan hệ giữa hành vi học tập của họ và kết quả nhận được. Những SV DTTS này vẫn nhận thức được rằng hành vi học tập của họ bị bắt ép từ những yếu tố ngoài tầm kiểm soát của chính họ và dần tự hỏi bản thân tại sao họ vẫn thực hiện hành vi ấy.



Sơ đồ 2.1. Mô hình các biến số trong nghiên cứu động lực học tập của sinh viên dân tộc thiểu số

Chương 3. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VỀ ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ

3.1. Tổ chức nghiên cứu

3.1.1. Địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại 4 trường đại học trên địa bàn Hà Nội.

3.1.2. Khách thể khảo sát

Mẫu điều tra thử nghiệm: 135 SV DTTS tại trường ĐHKHXH&NV

Mẫu điều tra chính thức: 517 SV DTSS tại 04 trường đại học

3.1.3. Thiết kế nghiên cứu

- Nghiên cứu lí luận

- Xây dựng thang đo: Thông qua việc nghiên cứu hệ thống lý luận về ĐLHT của SV dân tộc thiểu số, chúng tôi tiến hành đánh giá và đo lường mức độ các thang đo về ĐLHT của SV dân tộc thiểu số (Thang đo ĐLHT), cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của SV DTTS (*Thang đo về môi trường học tập, Thang đo về sự hoà hợp văn hóa, Thang đo về hỗ trợ xã hội nhận được, Thang đo về sự phân biệt đối xử, Thang đo về năng lực số*).

3.1.3. Tiến trình nghiên cứu

- Nghiên cứu điều tra thử

- Nghiên cứu điều tra chính thức

3.2. Phương pháp nghiên cứu

3.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

3.2.2. Phương pháp điều tra bảng hỏi

3.2.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

3.2.4. Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình

3.2.5. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

Để đánh giá mức độ của các thang đo trong nghiên cứu, chúng tôi chia thành 02 mức độ ĐLHT, bao gồm ĐLHT thấp và ĐLHT cao với mức độ đánh giá như sau:

Bảng 3. 1. Bảng mức độ đánh giá của các thang đo về ĐLHT

| Dạng động lực | Các mức độ | Khoảng mức độ | Các mức độ | Khoảng mức độ |
|-------------------------|-------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
| Động lực bên trong (M1) | Cao (A) | $4 < A1 \leq 7$ | Thấp (B) | $1 \leq B \leq 4$ |
| Động lực bên ngoài (M2) | Cao (A) | $4 < A2 \leq 7$ | Thấp (B) | $1 \leq B \leq 4$ |
| Không động lực (M3) | Cao (A) | $4 < A1 \leq 7$ | Thấp (B) | $1 \leq B \leq 4$ |

Ghi chú: M1 – Động lực bên trong, M2 – Động lực bên ngoài, M3 – Không động lực. A - Mức độ cao, B – Mức độ thấp

Thông qua các loại mức độ động lực, nghiên cứu chia thành 08 tổ hợp như sau:

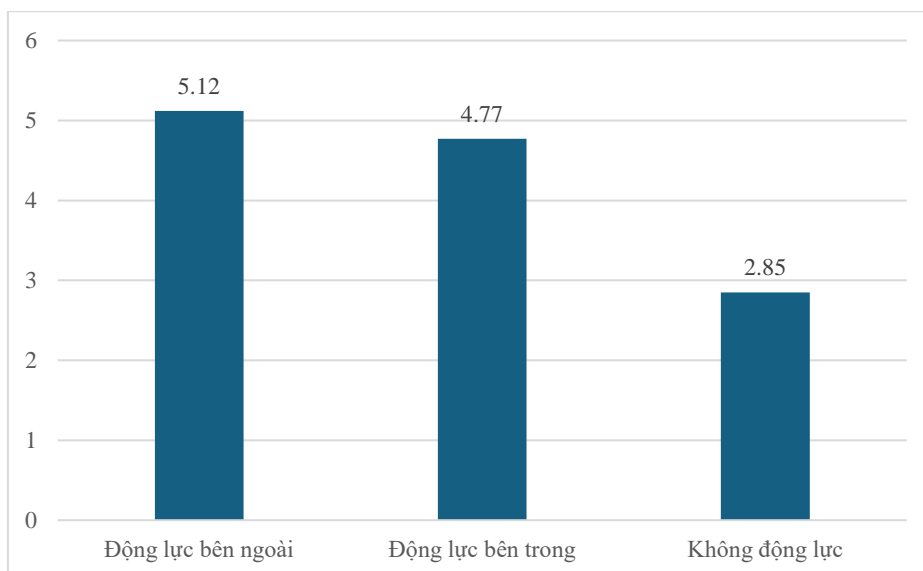
Bảng 3. 2. Bảng tổ hợp mức độ động lực học tập

| Dạng | Điểm số | Tính chất |
|------------------------|----------------|---|
| M1 – A, M2 – A, M3 – A | 4-7 | Động lực bên trong cao, Động lực bên ngoài cao và Không động lực cao |
| M1-A, M2 – A, M3 – B | 4-7 và 1-4 | Động lực bên trong cao, Động lực bên ngoài cao, Không động lực thấp |
| M1-A, M2 – B, M3 – B | 4-7 và 1-4 | Động lực bên trong cao, Động lực bên ngoài thấp, Không động lực |
| M1-A, M2 – B, M3 – B | 4-7 và 1-4 | Động lực bên trong cao, Động lực bên ngoài thấp, Không động lực thấp |
| M1-A, M2 – B, M3 – A | 4-7 và 1-4 | Động lực bên trong cao, Động lực bên ngoài thấp, Không động lực cao |
| M1-B, M2 – A, M3 – B | 4-7 và 1-4 | Động lực bên trong thấp, Động lực bên ngoài cao, Không động lực thấp |
| M1-B, M2 – B, M3 – A | 4-7 và 1-4 | Động lực bên trong thấp, Động lực bên ngoài thấp, Không động lực cao |
| M1-B, M2 – B, M3 – B | 4-7 và 1-4 | Động lực bên trong thấp, Động lực bên ngoài thấp, Không động lực thấp |

Chương 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VỀ ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ

4.1. Thực trạng động lực học tập của sinh viên DTTS

4.1.1. Thực trạng chung về động lực học tập của SV DTTS



Biểu đồ 4.1. Thực trạng ĐLHT của SV DTTS

Bảng 4.1. Mức độ ĐLHT của SV DTTS

| Các mức độ động lực | Số lượng (n) | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------|--------------|-------------|
| M1- A, M2 - A, M3 – B | 271 | 52.4% |
| M1- A, M2 - A, M3 – A | 96 | 18.6% |
| M1- B, M2 - B, M3 – B | 92 | 17.8% |
| M1- B, M2 - A, M3 – B | 32 | 6.2% |
| M1- B, M2 - B, M3 – A | 10 | 1.9% |
| M1- B, M2 - A, M3 – A | 8 | 1.5% |
| M1- A, M2 - B, M3 – B | 6 | 1.2% |
| M1- A, M2 - B, M3 – A | 2 | 0.4% |
| Tổng | 517 | 100% |

Bảng 4.2. Mối tương quan giữa các dạng ĐLHT của SV DTTS

| | (1) | (2) |
|-----------------------|--------|------|
| 1. Động lực bên trong | - | |
| 2. Động lực bên ngoài | .863** | - |
| 3. Không động lực | .083 | .035 |

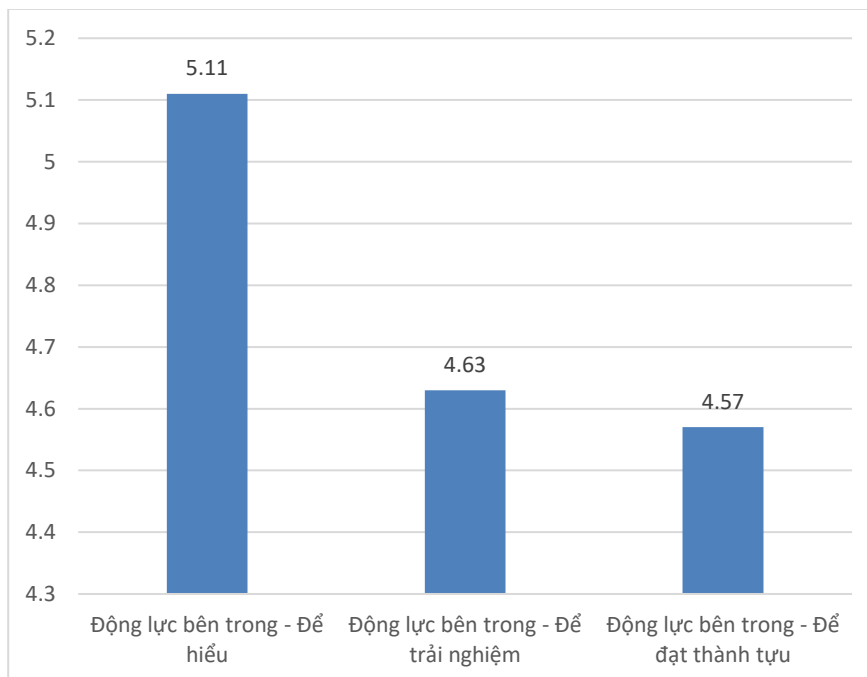
*Ghi chú: **: $p < 0.001$*

Tóm lại, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng có sự tồn tại nhiều dạng động lực học tập trong một SV DTTS, trong đó 52.4% SV có động lực

bên trong, bên ngoài ở mức cao và không động lực ở mức thấp. Kết quả cũng cho thấy động lực bên trong và động lực bên ngoài của SV có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Bên cạnh đó, dạng không động lực không có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê với động lực bên trong và động lực bên ngoài của SV. Đồng thời kết quả cũng chỉ ra, một bộ phận SV DTTS có động lực học tập thấp hoặc không có động lực với việc học đại học.

4.1.2. Biểu hiện động lực học tập bên trong của SV DTTS

Biểu đồ 4.2. Thực trạng ĐLHT bên trong của SV DTTS



Bảng 4.3. Mức độ biểu hiện ĐLHT bên trong của SV DTTS

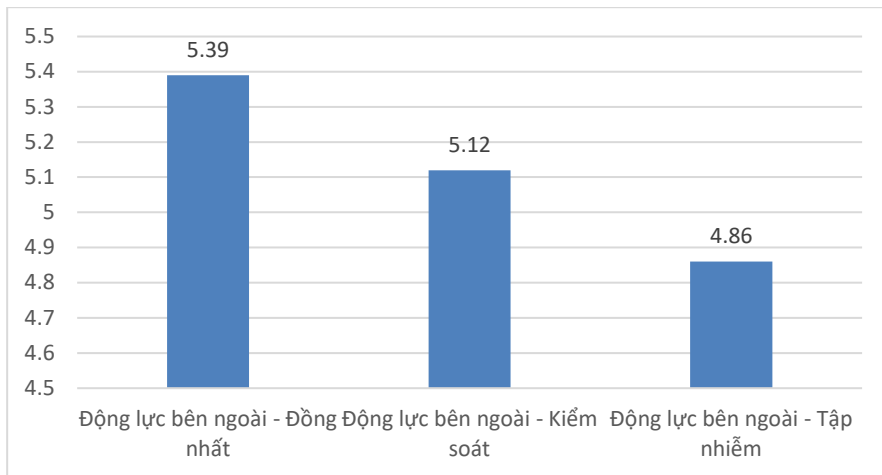
| Biến quan sát | ĐTB (ĐLC) | Khoảng tin cậy (95%) |
|--|-------------|----------------------|
| 1. Vì tôi cảm thấy vui vẻ và hài lòng khi học được những điều mới | 5.32 (1.6) | 5.19 – 5.45 |
| 2. Vì tôi cảm thấy hứng thú khi tự mình khám phá ra những điều mới mẻ | 5.07 (1.61) | 4.91 – 5.21 |
| 3. Vì tôi cảm thấy hứng thú khi kiến thức của tôi về những môn học mà tôi yêu thích được mở mang | 4.92 (1.63) | 4.77 – 5.05 |
| 4. Vì tôi muốn được học hỏi về những thứ mà tôi yêu thích | 5.13 (1.61) | 4.98 – 5.26 |

| Biến quan sát | ĐTB (ĐLC) | Khoảng tin cậy (95%) |
|---|----------------------|-------------------------------------|
| 5. Vì tôi vui sướng khi tôi có thể vượt lên chính mình để chinh phục các môn học | 4.61 (1.68) | 4.47 – 4.76 |
| 6. Vì sự thoả mãn khi tôi cảm thấy mình đang trong tiến trình đạt được những mục tiêu học tập khó khăn | 4.4 (1.72) | 4.24 – 4.55 |
| 7. Vì tôi vui sướng khi tôi có thể vượt lên chính mình để đạt được những mục tiêu trong học tập | 4.78 (1.63) | 4.63 – 4.92 |
| 8. Bởi vì học đại học cho phép tôi được trải nghiệm cái cảm giác thoả mãn khi tôi đạt thành tích xuất sắc trong các môn học | 4.5 (1.76) | 4.33 – 4.65 |
| 9. Vì tôi vui sướng khi được chia sẻ những ý tưởng và quan điểm của mình | 4.75 (1.61) | 4.62 – 4.89 |
| 10. Vì tôi cảm thấy thích thú khi đọc được một tài liệu hay một cuốn sách hay | 4.53 (1.74) | 4.37 – 4.67 |
| 11. Vì tôi thích cái cảm giác khi bản thân mình bị lôi cuốn vào kiến thức | 4.4 (1.71) | 4.25 – 4.54 |
| 12. Vì tôi cảm thấy hứng thú khi đọc về những chủ đề mà tôi yêu thích | 4.85 (1.63) | 4.7 – 4.98 |

Tóm lại, các khía cạnh của ĐLHT bên trong của SV DTTS đều ở mức cao. Điều này thể hiện rằng động lực bên trong của họ xuất phát từ những mong muốn, sự thích thú và cảm thấy vui sướng của SV khi được khám phá kiến thức mới cao hơn những thoả mãn về việc chinh phục các mục tiêu học tập. Đây là một biểu hiện tốt về tính tự chủ trong động lực học tập, bởi vì, chính những thích thú khi khám phá kiến thức mới trong quá trình học tập sẽ thúc đẩy việc học tập của SV DTTS.

4.1.3. Biểu hiện động lực học tập bên ngoài của SV DTTS

Biểu đồ 4.3. Thực trạng ĐLHT bên ngoài của SV DTTS



Bảng 4.4. Mức độ biểu hiện ĐLHT bên ngoài của SV DTTS

| Biến quan sát | ĐTB (ĐLC) | Khoảng tin cậy (95%) |
|---|-------------|----------------------|
| 1. Để chứng minh cho bản thân tôi thấy rằng mình hoàn toàn có thể học đại học | 4.62 (1.88) | 4.46 – 4.78 |
| 2. Vì khi tôi có thể học tốt ở bậc đại học, tôi cảm thấy bản thân mình có giá trị | 5.06 (1.63) | 4.92 – 5.21 |
| 3. Để chứng minh cho chính bản thân tôi thấy rằng mình cũng có năng lực | 4.88 (1.72) | 4.73 – 5.03 |
| 4. Bởi vì tôi muốn chứng minh cho chính bản thân tôi thấy rằng mình cũng có thể thành công trong học tập | 4.86 (1.77) | 4.71 – 5.02 |
| 5. Vì tôi nghĩ rằng học đại học sẽ giúp tôi chuẩn bị tốt hơn cho công việc mà tôi đã lựa chọn | 5.66 (1.43) | 5.53 – 5.78 |
| 6. Bởi vì thực tế đại học sẽ cho phép tôi bước chân vào ngành nghề mà tôi mong muốn | 5.2 (1.6) | 5.06 – 5.33 |
| 7. Vì học đại học sẽ giúp tôi có những quyết định đúng đắn hơn theo định hướng nghề nghiệp mà tôi đã lựa chọn | 5.29 (1.59) | 5.16 – 5.43 |
| 8. Vì tôi tin rằng một vài năm học đại học sẽ giúp tôi nâng cao năng lực làm việc | 5.39 (1.58) | 5.24 – 5.53 |
| 9. Vì tôi không thể tìm được một công việc lương cao chỉ với tấm bằng cấp ba | 4.09 (2.05) | 3.91 – 4.26 |
| 10. Để sau này có thể có một công việc được coi trọng | 5.39 (1.6) | 5.25 – 5.53 |

| Biến quan sát | ĐTB (ĐLC) | Khoảng tin cậy (95%) |
|--|----------------------|-------------------------------------|
| 11. Vì tôi muốn có một cuộc sống ổn định sau này | 5.63 (1.56) | 5.48 – 5.76 |
| 12. Để có một mức lương tốt hơn sau này | 5.38 (1.59) | 5.24 – 5.52 |

Như vậy, phần lớn SV DTTS có mức độ ĐLHT bên ngoài là mức cao. Trong đó, động lực bên ngoài đồng nhất là cao nhất, sau đó là động lực bên ngoài - kiểm soát ngoài và tập nhiệm.

4.1.4. Biểu hiện không động lực học tập của SV DTTS

Bảng 4. 1. Mức độ biểu hiện không ĐLHT của SV DTTS

| Biến quan sát | ĐTB (ĐLC) | Khoảng tin cậy (95%) |
|--|----------------------|---------------------------------|
| 1. Thực lòng mà nói thì tôi không biết. Tôi thực sự cảm thấy mình đang bỏ phí thời gian cho việc học đại học | 2.58 (1.79) | 2.42 – 2.74 |
| 2. Tôi đã từng có những lý do tốt đẹp để học đại học nhưng bây giờ tôi đang băn khoăn không biết có nên tiếp tục hay không | 3.41 (2.046) | 3.24 – 3.58 |
| 3. Tôi không thể hiểu vì sao tôi học đại học và thẳng thắn mà nói thì tôi cũng chẳng quan tâm | 2.68 (1.936) | 2.50 – 2.85 |
| 4. Tôi không biết và không hiểu mình đang làm gì ở đây nữa | 2.74 (1.955) | 2.58 – 2.90 |

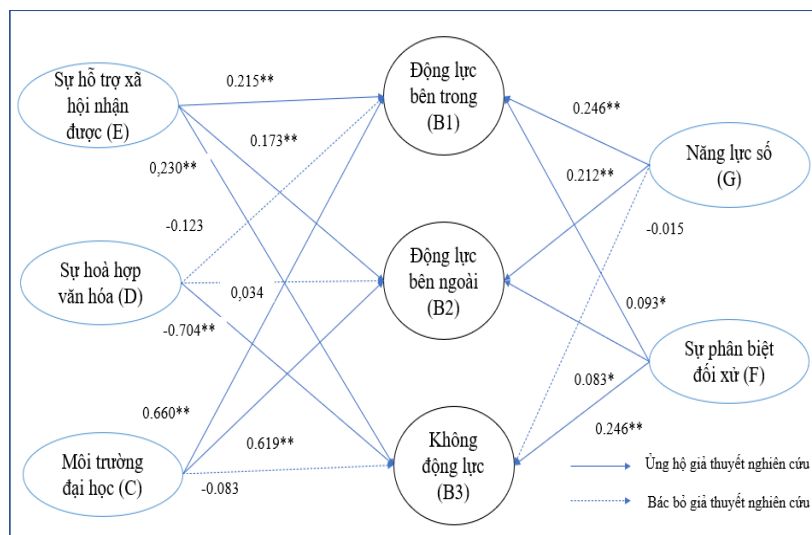
Như vậy, kết quả cho thấy dạng không có động lực của đa phần SV DTTS ở mức thấp.

4.2. Sự khác biệt về động lực học tập của SV DTTS theo nhóm đặc điểm nhân khẩu

Thông qua việc phân tích T-test và ANOVA để đánh giá mức độ khác biệt về ĐLHT của SV DTTS theo các biến nhân khẩu, tác giả luận án thấy rằng có sự khác nhau về các dạng ĐLHT bên trong, bên ngoài

và không động lực theo giới tính, trong đó cả hai dạng có động lực và không động lực của SV nữ cao hơn SV nam. Bên cạnh đó, nhóm SV khác nhau về dân tộc cũng có sự khác biệt trong ĐLHT. Đặc biệt, kết quả học tập có mối tương quan thuận với dạng có động lực của SV DTTS, nhưng không có sự tương quan với dạng không có động lực. Ngoài ra, không có sự khác biệt về ĐLHT giữa các nhóm SV theo nơi sinh, điều kiện kinh tế, thứ tự sinh cũng như khóa học. Tuy nhiên, tồn tại sự khác biệt về dạng không động lực giữa các nhóm SV DTTS theo trường học.

4.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của SV DTTS



Sơ đồ 4.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của SV DTTS

Yếu tố môi trường học tập có tác động lớn nhất đến ĐLHT bên trong và bên ngoài của SV DTTS, sau đó là năng lực số, và sự hỗ trợ xã hội nhận được là yếu tố thứ ba tác động lên ĐLHT bên trong và bên ngoài của SV. Riêng yếu tố sự phân biệt đối xử có tác động dương nhỏ đến dạng có động lực của SV DTTS. Kết quả này cho thấy để nâng cao ĐLHT bên trong và bên ngoài của SV DTTS cần gắn liền với việc tăng chất lượng về môi trường học tập đại học cũng như thúc đẩy sự hỗ trợ xã hội nhận được cho SV DTTS. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh và bổ sung

kỹ năng số, phát triển năng lực số giúp SV thúc đẩy các dạng có động lực của SV. Sự phân biệt đối xử hàng ngày có tác động mạnh lên dạng không động lực của SV DTTS tiếp đến là yếu tố hỗ trợ xã hội cũng có ảnh hưởng đến dạng không động lực của SV DTTS.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cho thấy dạng động lực bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập của SV dân tộc thiểu số. Riêng dạng không động lực không có tác động đến kết quả học tập của SV dân tộc thiểu số. Do đó, những kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa với các nhà quản trị trường học và hoạch định chính sách trong việc giúp SV dân tộc thiểu số thúc đẩy ĐLHT cũng như cải thiện kết quả học tập tốt hơn.

4.4. Nghiên cứu trường hợp về động lực học tập của sinh viên DTTS

Trường hợp SV DTTS có ĐLHT bên trong cao thì động lực bên ngoài cũng cao. SV DTTS có động lực bên ngoài cao chủ yếu đến từ kỳ vọng về cơ hội việc làm trong tương lai, ngược lại, động lực bên trong cao thường xuất phát từ những đam mê học tập của SV. SV không có ĐLHT do bản thân không tìm thấy sở thích và ý nghĩa của việc học tập tại trường. Các yếu tố môi trường học tập, sự hòa hợp văn hóa, sự hỗ trợ của gia đình, thầy cô và bạn bè cũng như khả năng sử dụng các công cụ công nghệ giúp SV sớm hòa nhập với môi trường học tập, và vạch ra cho bản thân một kế hoạch học tập cũng như phương pháp học tập phù hợp từ đó tạo đòn bẩy thúc đẩy ĐLHT của mình.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Về mặt lí thuyết

- Các nghiên cứu trên thế giới về ĐLHT của SV và SV DTTS được tiến hành theo ba khía cạnh: (1) Các biểu hiện ĐLHT của SV và SV

DTTS; (2) Những yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của SV và SV DTTS; (3) Giải pháp duy trì và nâng cao ĐLHT của SV và SV DTTS. Ở Việt Nam, đã có những nghiên cứu về ĐLHT của SV, tuy nhiên, nghiên cứu về ĐLHT của SV dân tộc thiểu số còn khá hạn chế. Chính vì vậy, nghiên cứu chuyên sâu về ĐLHT và ĐLHT của SV DTTS cần được quan tâm và nghiên cứu. Nghiên cứu về ĐLHT của SV DTTS cần chỉ ra thực trạng ĐLHT của SV DTTS, các yếu tố ảnh hưởng và từ đó cung cấp những dữ liệu thực chứng để đề xuất những kiến nghị giúp nâng cao ĐLHT của đối tượng này.

- ĐLHT của SV dân tộc thiểu số là lực thúc đẩy nhằm thoả mãn các nhu cầu khác nhau trong hoạt động học tập của SV dân tộc thiểu số. Nó kích hoạt, định hướng, tạo sức mạnh và duy trì hoạt động học tập của họ thông qua các dạng động lực bên trong, động lực bên ngoài và không động lực. Khái niệm này được xây dựng dựa trên thuyết tự quyết của Deci và Ryan. Trong đó, ĐLHT được thể hiện tính tự chủ và khả năng kiểm soát của SV dân tộc thiểu số thông qua các dạng động lực bên trong, động lực bên ngoài. Dạng không động lực cũng được đề cập trong định nghĩa ĐLHT là khi SV đi học mà không do lực thúc đẩy từ bên trong hoặc bên ngoài có liên quan đến nhận thức của họ về hoạt động học tập.

- Các yếu tố tác động đến ĐLHT của SV dân tộc thiểu số bao gồm yếu tố về môi trường học tập ở bậc đại học; sự hòa hợp văn hóa của SV dân tộc thiểu số với yếu tố văn hoá của nhóm đa số; sự hỗ trợ xã hội SV dân tộc thiểu số nhận được từ phía gia đình, bạn bè và người đặc biệt có ý nghĩa với họ; sự phân biệt đối xử hàng ngày mà SV dân tộc thiểu số gặp phải và năng lực số mà SV dân tộc cần có để có thể học tập ở trường đại học.

Về mặt thực tiễn

- Đa số SV dân tộc thiểu số có ĐLHT ở mức cao (ĐLHT bên trong cao, ĐLHT bên ngoài cao và không động lực ở mức thấp). ĐLHT bên trong và bên ngoài có mức độ tương quan thuận cao chứng tỏ khi ĐLHT bên trong của SV cao thì động lực bên ngoài của SV cũng cao và ngược lại. Động lực bên trong và bên ngoài cùng tồn tại trong một SV, trong đó động lực bên ngoài mạnh hơn động lực bên trong. Kết quả cũng cho thấy đa số SV dân tộc thiểu số có ĐLHT bên ngoài - đồng nhất ở mức cao và hướng tới mục tiêu cơ hội nghề nghiệp trong tương lai.

- SV dân tộc thiểu số có sự khác biệt về ĐLHT bên trong và bên ngoài theo giới tính, dân tộc và kết quả học tập. Đồng thời, SV đang độc thân có ĐLHT bên trong cao hơn nhóm SV đang trong trạng thái mối quan hệ. Bên cạnh đó, dạng không động lực ở SV dân tộc thiểu số có sự khác nhau theo trường học. Ngoài ra, không có sự khác biệt về ĐLHT giữa các nhóm SV theo nơi sinh, điều kiện kinh tế, thứ tự sinh cũng như khóa học. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy ĐLHT bên trong và bên ngoài có tác động tích cực đến kết quả học tập của SV dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, dạng không động lực không có tác động đến kết quả học tập của SV dân tộc thiểu số.

- Nghiên cứu cũng chứng minh được mối quan hệ giữa ĐLHT của SV dân tộc thiểu số đã tham gia nghiên cứu với các yếu tố về môi trường học tập, sự hòa hợp văn hóa, sự hỗ trợ xã hội nhận được, sự phân biệt đối xử và năng lực số. Trong đó, các yếu tố môi trường học tập, sự hỗ trợ xã hội nhận được, sự hòa hợp văn hóa và năng lực số có tương quan thuận đến ĐLHT bên trong và bên ngoài của SV dân tộc thiểu số, yếu tố môi trường học tập và sự hòa hợp văn hóa có tương quan nghịch với dạng không động lực, bên cạnh yếu tố sự phân biệt đối xử có tương quan thuận đến dạng không động lực của SV dân tộc thiểu số. Phân tích khả năng dự báo tác động lên ĐLHT của SV dân tộc thiểu số thì yếu tố môi

trường học tập có ảnh hưởng mạnh nhất đến ĐLHT bên trong và bên ngoài của SV dân tộc thiểu số, theo sau đó là năng lực số có ảnh hưởng đến ĐLHT bên trong và bên ngoài của SV dân tộc thiểu số. Đối với dạng không động lực, yếu tố sự phân biệt đối xử có ảnh hưởng mạnh lên dạng không động lực của SV dân tộc thiểu số.

- Nghiên cứu cứu trường hợp đã làm rõ hơn ảnh hưởng của các yếu tố môi trường học tập và sự hỗ trợ xã hội nhận được lên ĐLHT của SV thiểu số. Trong đó, SV nhấn mạnh vai trò của môi trường học tập tích cực với sự hỗ trợ của giảng viên và bạn bè giúp các SV dân tộc thiểu số dễ hòa nhập với môi trường học tập và tăng ĐLHT của SV dân tộc thiểu số. Yếu tố sự hỗ trợ nhận được của gia đình hay bạn bè cũng có ảnh hưởng trực tiếp đến ĐLHT của SV dân tộc thiểu số, thúc đẩy ĐLHT bên trong của SV.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với sinh viên DTTS

- Đối với nhóm SV SV DTTS có ĐLHT bên trong và bên ngoài ở mức cao cần tiếp tục duy trì và nâng cao hơn nữa thông qua các hoạt động học tập trên lớp cũng như các hoạt động tập thể, tăng cường tham gia các trải nghiệm học tập, phương pháp học tập, trao đổi chuyên đề, nâng cao kỹ năng và tăng cường quan hệ giảng viên, bạn bè xung quanh.

- Đối với nhóm SV có ĐLHT ở mức trung bình và thấp cần sự hỗ trợ tích cực từ phía gia đình, thầy cô và nhà trường.

- Nhóm SV DTTS đang không có ĐLHT cần được hỗ trợ gia tăng sự hòa hợp văn hóa với môi trường học tập. Tăng cường sự hỗ trợ tích cực từ gia đình và thầy cô, cũng như cần được can thiệp tư vấn từ các nhà tâm lý học đường để hỗ trợ SV trong các vấn đề về tâm lý như bị phân biệt dân tộc hay không hình thành được ý nghĩa và mục đích của việc học đại học. Ngoài ra, nhóm SV này cần có sự tham gia vào các

hoạt động ngoại khóa, hay các hoạt động tập thể để tăng cường mối quan hệ thân thiết với bạn bè cùng lớp cũng như mở rộng mạng lưới mối quan hệ giúp SV tự tin hơn vào bản thân mình và tìm ra được mục đích học tập của mình.

2.2. Đối với nhà trường

- Nâng cao chất lượng môi trường học tập thông qua chính sách của Nhà trường, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cố vấn học tập.
- Thúc đẩy hỗ trợ xã hội cho SV dân tộc thiểu số.
- Phát triển kỹ năng số cho SV dân tộc thiểu số.

DANH MỤC CÁC BÀI VIẾT

LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Phạm Văn Huệ (2021), "Thực trạng động lực học tập của sinh viên các ngành khoa học xã hội và nhân văn", *Tạp chí Tâm lý học Việt Nam* (06), tr. 16-29.

2. Pham Van Hue (2021), "Influence factors affecting the learning motivation of ethnic minority students in the case of online learning at university of social science and humanities", *The international conference on Contemporary issues in sustainable development (CIDLC2021) part 1*, Science and technics publishing house, pp. 176-186.

3. Pham Van Hue (2023), "Learning motivation of ethnic minority students: a review", *The first international conference on the issues of social sciences and humanities*, Vietnam national university press, Hanoi, pp. 1227-1241.